

Tăng tỷ trọng

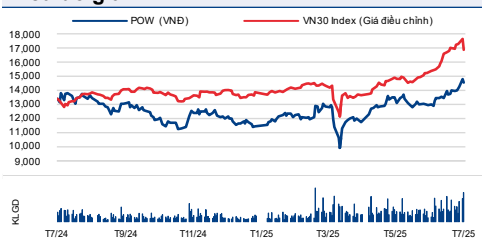
Giá mục tiêu: VNĐ14,900

Tiềm năng tăng/giảm: 2.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2025)	14,500
Mã Bloomberg	POW VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	9,930-14,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	14,617
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	33,957
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,296
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,342
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,148
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,059
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	3.78%
Tỷ lệ freefloat	18.8%
Cổ đông lớn	PVN (79.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	30,306	43,286	55,902
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,503	8,210	9,071
LNTT (tỷ đồng)	1,383	1,640	1,874
LNT ĐC (tỷ đồng)	209	1,268	1,458
FCF (tỷ đồng)	(5,449)	(13,155)	5,811
EPS ĐC (đồng)	475	542	622
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	13,668	14,042	14,625
T.trưởng EBITDA (%)	(13.0)	228	10.5
T.trưởng EPS ĐC (%)	7.05	14.1	14.9
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.26	19.0	16.2
Tỷ suất LNTT (%)	4.56	3.79	3.35
Tỷ suất LNT ĐC (%)	3.67	2.93	2.61
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	34.9	87.9	56.4
ROAE (%)	3.51	3.91	4.34
ROACE (%)	2.49	5.88	6.45
EV/doanh thu (lần)	1.49	1.45	0.95
EV/EBITDA ĐC (lần)	18.0	7.65	5.86
P/E ĐC (lần)	30.5	26.8	23.3
P/B (lần)	1.06	1.03	0.99
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

POW đang vận hành công suất phát điện 4.2GW, khoảng 6% tổng công suất đặt của VN, và sẽ có thêm 1.6 GW điện LNG vận hành cuối năm 2025.

Chuyên viên phân tích

Natalie Nguyễn

Trưởng Phòng, Ngành Năng Lượng
natalie.nguyen@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 110

Nguyễn Hoàng Nam

Giám Đốc, Ngành Năng Lượng
nam.nhoang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 190

Q2/2025: KQKD vượt dự báo nhờ tỷ suất lợi nhuận tăng

- POW ghi nhận KQKD Q2/2025 tích cực, với lợi nhuận thuần tăng 47% so với cùng kỳ đạt 575 tỷ đồng và tỷ suất lợi nhuận gộp tăng thêm 5 điểm phần trăm, đạt 13%, được hỗ trợ bởi sản lượng hợp đồng tăng mạnh tại hai nhà máy điện khí Nhơn Trạch 1 và 2.
- KQKD nửa đầu năm 2025 cũng khả quan, với lợi nhuận HĐKD cốt lõi tăng 69% so với cùng kỳ, vượt 9% so với dự báo cả năm của HSC, nhờ sản lượng hợp đồng cải thiện và tỷ suất lợi nhuận gộp tăng. Tuy vậy, chúng tôi dự báo lợi nhuận sẽ suy giảm trong nửa cuối năm 2025, khi hai nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 3 & 4 vận hành giai đoạn đầu trong Q3-Q4/2025.
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với POW.

Sự kiện: Lợi nhuận HĐKD cốt lõi tăng mạnh nhờ tỷ suất lợi nhuận mở rộng

POW công bố KQKD Q2/2025 tích cực, với lợi nhuận thuần tăng 47% so với cùng kỳ đạt 574,7 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp tăng mạnh 64% so với cùng kỳ đạt 1,2 nghìn tỷ đồng, nhờ tỷ suất lợi nhuận gộp tăng 5 điểm phần trăm đạt 13%. Động lực chính đến từ việc sản lượng hợp đồng tăng mạnh tại Nhơn Trạch 2 (tăng 52% so với cùng kỳ, đóng góp 20% tổng sản lượng hợp đồng) và sản lượng hợp đồng được phân bổ trở lại cho Nhơn Trạch 1 (458 triệu kWh so với 0 kWh trong Q2/2024), mặc dù tổng sản lượng điện chỉ tăng 2% so với cùng kỳ, sát với mức tăng trưởng sản lượng điện quốc gia.

Trong nửa đầu năm 2025, POW ghi nhận lợi nhuận thuần đạt 1.020 tỷ đồng (tăng 52% so với cùng kỳ) trên doanh thu 17.565 tỷ đồng (tăng 12% so với cùng kỳ). Mặc dù chi phí bán hàng & quản lý tăng 81% so với cùng kỳ, chủ yếu do trích lập dự phòng 136 tỷ đồng và chi phí lao động tăng, tác động này đã được bù đắp nhờ tỷ suất lợi nhuận tăng mạnh (tăng 5 điểm phần trăm). Nếu không tính đến ảnh hưởng từ tỷ giá và trích lập dự phòng, lợi nhuận HĐKD cốt lõi tăng mạnh 69% so với cùng kỳ đạt 1.380 tỷ đồng, vượt 9% so với dự báo cả năm của HSC. Tuy nhiên, chúng tôi dự báo lợi nhuận nửa cuối năm 2025 sẽ giảm, do POW có thể ghi nhận lỗ từ hai nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 3 và 4, dự kiến vận hành trong Q3-Q4/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 31/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2025 và 6 tháng đầu năm 2025, POW

Tỷ đồng	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T25	So với cùng kỳ	% db 2025 của HSC
Doanh thu	9,414.8	16%	0%	17,565.1	12%	41%
Giá vốn hàng bán	-8,209.8	12%	-5%	-15,544.1	7%	
Lợi nhuận gộp	1,205.1	48%	64%	2,021.1	82%	
Tỷ suất lợi nhuận gộp	13%	+3ppts	+5ppts	12%	+5ppts	+3ppts
Chi phí BH&QL	-227.3	-33%	16%	-565.0	81%	
Thu nhập tài chính	204.7	N/m	96%	412.8	101%	
Chi phí tài chính	-398.7	127%	94%	-574.2	59%	
Thu nhập từ công ty liên kết	0.04	N/m	N/m	0.57	-19%	
Thu nhập thuần khác	0.6	-166%	N/m	-0.3	N/m	
LNTT	784.4	54%	77%	1,294.9	80%	
Lợi nhuận thuần	574.7	29%	47%	1,019.8	52%	
Lợi nhuận 'cốt lõi'	782.0	31%	61%	1,380.0	69%	109%

Nguồn: POW, HSC

Cập nhật tiến độ dự án Nhơn Trạch 3 & 4 trong bối cảnh khung pháp lý có những tiến triển mới

Các quy định mới như Nghị định 56 và Nghị định 100 đã đặt nền tảng pháp lý quan trọng giúp các dự án điện khí LNG có tính khả thi về tài chính, cho phép chuyển phần chi phí nhiên liệu LNG nhập khẩu vào giá điện và đảm bảo sản lượng hợp đồng tối thiểu 65% trong 10 năm. Trong khi đó, chủ đầu tư đã hoàn tất hợp đồng cung cấp LNG kéo dài 25 năm với PV Gas (GAS; Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 74.000đ). Tuy nhiên, tiến độ vận hành thương mại có thể bị trì hoãn do yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt trong quá trình nghiệm thu và phê duyệt, phản ánh quy mô lớn và mức độ phức tạp của nhà máy điện LNG quy mô lớn đầu tiên tại Việt Nam.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 22% trong 3 tháng qua, POW đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 24,6 lần, thấp hơn 0,3 độ lệch chuẩn so với bình quân từ năm 2023 ở mức 25,9 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Bảng 2: Sản lượng hợp đồng Q2 và 6 tháng đầu năm 2025, POW

Sản lượng hợp đồng cải thiện đáng kể ở cả NT1 & 2

Sản lượng hợp đồng (triệu kWh)	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T25	So với cùng kỳ
Nhiệt điện khí	2,716	32%	38%	4,768	52%
Cà Mau 1,2	1,302	5%	11%	2,547	9%
Nhơn Trạch 2 (NT2)	956	52%	21%	1,584	100%
Nhơn Trạch 1 (NT1)	458	156%	N/m	637	N/m
Nhiệt điện than	1,708	16%	27%	3,176	33%
Nhơn Trạch	1,708	16%	27%	3,176	33%
Thủy điện	242	33%	45%	424	27%
Hua Na	114	75%	52%	179	44%
Dak drink	128	9%	39%	245	17%
Tổng cộng	4,666	26%	34%	8,368	43%

Nguồn: POW, HSC

Bảng 3: Sản lượng tiêu thụ điện Q2 và 6 tháng đầu năm 2025, POW

Tăng trưởng sản lượng điện đi ngang do nhu cầu giảm

Tổng sản lượng	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T25	So với cùng kỳ
Nhiệt điện khí	2,528	16%	-9%	4,703	7%
Cà Mau 1,2	1,397	-5%	-15%	2,862	-8%
Nhơn Trạch 2 (NT2)	776	31%	-24%	1,369	16%
Nhơn Trạch 1 (NT1)	355	203%	246%	472	345%
Nhiệt điện than	1,936	10%	4%	3,696	4%
Nhơn Trạch	1,936	10%	4%	3,696	4%
Thủy điện	330	3%	63%	651	58%
Hua Na	175	50%	114%	292	86%
Dak drink	132	-32%	10%	325	27%
Nậm Nơn	23	109%	N/m	34	N/m
Nhiệt điện khí LNG	105	0	0	105	N/m
Nhơn Trạch 3 & 4	105	0	0	105	N/m
Tổng	4,899	15%	2%	9,155	9%

Nguồn: POW, HSC

Bảng 4: Doanh thu theo loại hình phát điện, POW

Doanh thu	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T25	So với cùng kỳ
Nhiệt điện khí	5,385	21%	-5%	9,835	14%
Cà Mau 1,2	2,478	-10%	-24%	5226	-13%
Nhơn Trạch 2 (NT2)	2,052	52%	-6%	3406	40%
Nhơn Trạch 1 (NT1)	855	146%	291%	1203	432%
Nhiệt điện than	3,527	12%	3%	6,671	5%
Nhơn Trạch	3,527	12%	3%	6671	5%
Thủy điện	301	-7%	159%	624	50%
Hua Na	193	36%	1114%	335	89%
Dak drink	108	-40%	8%	289	20%
Tổng	9,213	16%	0%	17,130	12%

Nguồn: POW, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	28,329	30,306	43,286	55,902	57,427
Lợi nhuận gộp	2,704	1,998	3,956	4,773	4,946
Chi phí BH&QL	(1,268)	(878)	(866)	(1,118)	(1,149)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	1,436	1,120	3,091	3,655	3,798
Lãi vay thuần	(186)	(279)	(1,501)	(1,832)	(1,353)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	40.1	42.2	50.3	51.0	51.8
Lợi nhuận khác	152	500	0	0	0
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	1,442	1,383	1,640	1,874	2,496
Chi phí thuế TNDN	(159)	(172)	(148)	(159)	(212)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(245)	(99.8)	(224)	(257)	(343)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,038	1,112	1,268	1,458	1,941
Lợi nhuận thuần ĐC	841	209	1,268	1,458	1,941
EBITDA ĐC	2,878	2,503	8,210	9,071	9,223
EPS (đồng)	443	475	542	622	829
EPS ĐC (đồng)	359	475	542	622	829
DPS (đồng)	300	0	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,342	2,342	2,342	2,342	2,342
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,342	2,342	2,342	2,342	2,342
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,342	2,342	2,342	2,342	2,342

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	8,440	11,564	6,823	15,132	16,029
Đầu tư ngắn hạn	2,391	4,112	4,112	4,112	4,112
Phải thu khách hàng	14,560	11,873	17,717	22,453	22,840
Hàng tồn kho	2,167	1,795	2,360	3,068	3,149
Các tài sản ngắn hạn khác	1,484	636	743	966	991
Tổng tài sản ngắn hạn	29,042	29,981	31,755	45,730	47,121
TSCĐ hữu hình	35,394	44,029	56,637	51,390	46,135
TSCĐ vô hình	39.3	51.4	44.6	37.1	28.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	375	678	360	342	325
Đầu tư vào Cty LD,LK	585	88.1	645	677	711
Tài sản dài hạn khác	4,927	5,088	4,000	4,000	4,000
Tổng tài sản dài hạn	41,320	49,934	61,687	56,447	51,201
Tổng cộng tài sản	70,362	79,915	93,442	102,177	98,322
Nợ ngắn hạn	5,507	13,508	14,532	18,209	18,131
Phải trả người bán	15.9	15.7	19.4	28.5	28.1
Nợ ngắn hạn khác	21,090	19,768	19,987	29,002	28,575
Tổng nợ ngắn hạn	26,785	33,457	34,728	47,477	47,028
Nợ dài hạn	7,172	9,151	21,151	16,151	11,151
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	121	119	120	126	132
Tổng nợ dài hạn	7,294	9,270	21,271	16,277	11,284
Tổng nợ phải trả	36,243	45,234	57,754	64,983	59,171
Vốn chủ sở hữu	31,415	32,009	32,884	34,249	36,059
Lợi ích cổ đông thiểu số	2,705	2,671	2,805	2,945	3,093
Tổng vốn chủ sở hữu	34,119	34,681	35,689	37,194	39,151
Tổng nợ phải trả và VCSH	70,362	79,915	93,442	102,177	98,322
BVPS (đ)	13,414	13,668	14,042	14,625	15,397
Nợ thuần*/(tiền mặt)	4,239	11,095	28,860	19,229	13,254

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	1,436	1,120	3,091	3,655	3,798
Khấu hao	(1,442)	(1,383)	(5,119)	(5,416)	(5,425)
Lãi vay thuần	(186)	(279)	(1,501)	(1,832)	(1,353)
Thuế TNDN đã nộp	(159)	(172)	(148)	(159)	(212)
Thay đổi vốn lưu động	(1,249)	941	(1,674)	3,653	(862)
Khác	2,068	1,351	(321)	(4,760)	(3,202)
LCT thuần từ HKKD	3,352	4,344	4,566	5,973	3,594
Đầu tư TS dài hạn	(6,312)	(9,793)	(17,721)	(162)	(162)
Góp vốn & đầu tư	(3,071)	(6,452)	0	0	0
Thanh lý	2,455	4,730	0	0	0
Khác	443	542	611	630	651
LCT thuần từ HĐĐT	(6,485)	(10,973)	(17,110)	468	489
Cổ tức trả cho CSH	(365)	(132)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	81.9	21.0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	3,604	9,866	7,803	1,867	(3,185)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	3,321	9,754	7,803	1,867	(3,185)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,252	8,440	11,564	6,823	15,132
LCT thuần trong kỳ	188	3,125	(4,741)	8,308	897
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.37	0.06	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,440	11,564	6,823	15,132	16,029
Dòng tiền tự do	(2,960)	(5,449)	(13,155)	5,811	3,431

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	9.55	6.59	9.14	8.54	8.61
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.2	8.26	19.0	16.2	16.1
Tỷ suất LNT (%)	3.67	3.67	2.93	2.61	3.38
Thuế TNDN hiện hành (%)	11.0	12.4	9.00	8.50	8.50
Tăng trưởng doanh thu (%)	0.37	6.98	42.8	29.1	2.73
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(49.2)	(13.0)	228	10.5	1.67
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(57.2)	(75.1)	506	14.9	33.2
Tăng trưởng EPS (%)	(49.6)	7.05	14.1	14.9	33.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(57.2)	32.2	14.1	14.9	33.2
Tăng trưởng DPS (%)	nm	(100)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	67.7	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	3.35	3.51	3.91	4.34	5.52
ROACE (%)	3.50	2.49	5.88	6.45	7.17
Vòng quay tài sản (lần)	0.45	0.40	0.50	0.57	0.57
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	2.33	3.88	1.48	1.63	0.95
Số ngày tồn kho	30.9	23.1	21.9	21.9	21.9
Số ngày phải thu	207	153	164	160	159
Số ngày phải trả	0.23	0.20	0.18	0.20	0.20
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	13.5	34.9	87.9	56.4	37.0
Nợ/tài sản (%)	18.0	28.5	38.2	33.7	29.9
EBIT/lãi vay (lần)	7.72	4.01	2.06	2.00	2.81
Nợ/EBITDA (lần)	4.41	9.09	4.35	3.80	3.19
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.08	0.90	0.91	0.96	1.00
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.35	1.49	1.45	0.95	0.82
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.3	18.0	7.65	5.86	5.12
P/E (lần)	32.7	30.5	26.8	23.3	17.5
P/E ĐC (lần)	40.4	30.5	26.8	23.3	17.5
P/B (lần)	1.08	1.06	1.03	0.99	0.94
Lợi suất cổ tức (%)	2.07	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn